

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HS-ST
Ngày 22-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân

Ông Đặng Văn Dũng;

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Hiếu N, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 09 tháng 02 năm 1997, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh H; có vợ và 01 con; tiền án: 01 tiền án bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 02/2024/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 (đã chấp hành xong, chưa được xóa án tích); nhân thân: /; bị bắt, tạm giam ngày 21 tháng 5 năm 2024 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà Hồng Thị Minh Đ, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04 tháng 4 năm 2019, bị cáo Trần Hiếu N hẹn chị Hồng Thị Minh Đ (sinh ngày 28 tháng 6

năm 1977, nơi thường trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh) đến một quán cà phê không tên thuộc ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh với ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại đây, bị cáo N giả vờ nói với chị Đ rằng bản thân là thâu cá độ bóng đá nên không dám vào trụ ATM để rút tiền vì sợ có camera quan sát và bị cáo N nhờ chị Đ đi cùng mình đến trụ ATM để rút tiền giúp thì chị Đ đồng ý. Sau đó, bị cáo N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh - đen - bạc, biển số 84B1-534.76 chở chị Đ đến trụ ATM của Ngân hàng V, địa chỉ tại Khóm C, Phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Do có ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Đ từ trước nên lúc này bị cáo N giả vờ đưa cho chị Đ 01 thẻ ATM của Ngân hàng V mà bị cáo đã nhặt được trước đó rồi nhờ chị Đ vào trụ ATM rút dùm 40.000.000 đồng và cung cấp mật khẩu của thẻ là “111111”. Nghĩ rằng bị cáo Nghĩa là chỗ quen biết nên chị Đ tin tưởng giao xe mô tô biển số 84B1-534.76 cho bị cáo N trông giữ, còn mình thì cầm thẻ ATM mà bị cáo N vừa đưa đi vào bên trong trụ ATM để rút tiền. Tuy nhiên, khi chị Đ vừa vào bên trong quầy giao dịch và cho thẻ vào trụ ATM thì chị Đ nhìn thấy bị cáo N đã điều khiển xe mô tô biển số 84B1-534.76 của chị Đ chạy đi. Thấy vậy, chị Đ liền gọi điện thoại cho bị cáo N nhưng không được. Biết rằng bản thân đã bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chị Đ đã trình báo sự việc với Cơ quan Công an. Riêng bị cáo N sau khi chiếm đoạt được xe này thì liền điều khiển đến khu vực gần bến xe Miền T trên đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân) với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) rồi tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 18/BKLDGTS ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển số 84B1-534.76 có giá trị thành tiền tại thời điểm bị chiếm đoạt là 16.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKSTPTV-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Hiếu N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hiếu N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về nội dung của Cáo trạng cũng như các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của các cơ quan và người tiến hành tố tụng. Bị cáo cũng không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về hình phạt, trách nhiệm dân sự.

Bà Hồng Thị Minh Đ là bị hại trình bày ý kiến tại phiên tòa như sau: Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 16.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Vì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông ngoại là Liệt sĩ, bà ngoại là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Hiếu N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2024.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho bà Hồng Thị Minh Đ số tiền 16.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Trần Hiếu N trình bày: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và gửi lời xin lỗi đến bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và nhận thấy các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04 tháng 4 năm 2019, bị cáo Trần Hiếu N đã có thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh - đen - bạc, biển số 84B1-534.76 của bà Hồng Thị Minh Đ. Qua định giá tài sản vào thời điểm chiếm đoạt có giá trị 16.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, hậu quả của hành vi phạm tội đã xảy ra. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan, không sai.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng vẫn gây ảnh hưởng xấu đến xã hội. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, đang trong độ tuổi lao động nhưng không lo chí thú làm ăn, chăm lo gia đình. Do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao

động vật và nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, lo lắng trong dư luận, ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương. Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt xe của bà Hồng Thị Minh Đ, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện V, tỉnh Vĩnh Long và thực hiện hành vi sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả để làm nghề chạy xe khách. Điều đó cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó cần phải xem xét cho bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng cho bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo có ông ngoại tên Nguyễn Văn N1 là Liệt sĩ và có bà ngoại tên Lê Thị N2 là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức để răn đe, giáo dục cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Hồng Thị Minh Đ là bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 16.000.000 đồng là giá trị chiếc xe mô tô bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa bị cáo cũng thống nhất bồi thường cho bị hại số tiền 16.000.000 đồng. Do đó bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 16.000.000 đồng.

[8] Đối với người đàn ông đã mua xe mô tô biển số 84B1-534.76 từ bị cáo Trần Hiếu N do không xác định được nhân thân, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thể làm việc được và khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền 200.000 đồng. Đối với án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu toàn bộ với số tiền 800.000 đồng.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án cũng như tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 30; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a, điểm c, điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Hiếu N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Hiếu N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2024.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Hiếu N bồi thường cho bà Hồng Thị Minh Đ số tiền 16.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Hiếu N chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thành phố Trà Vinh;
- CQĐT thành phố Trà Vinh;
- CQ THAHS thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa